



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thủy điện Hòa Na

Ngày 31/12/2025	21,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.8%	-8.3%	-9.0%

DT thuần Q4/25
302
tỷ VNĐ
QoQ: ▼129 -29.9%
YoY: ▲44.0 17.1%

LN thuần Q4/25
103
tỷ VNĐ
QoQ: ▼155 -60.2%
YoY: ▲6.30 6.1%

LN sau thuế Q4/25
97.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼148 -60.4%
YoY: ▲4.90 5.3%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
45.9%
YoY: +/-▲8.6%

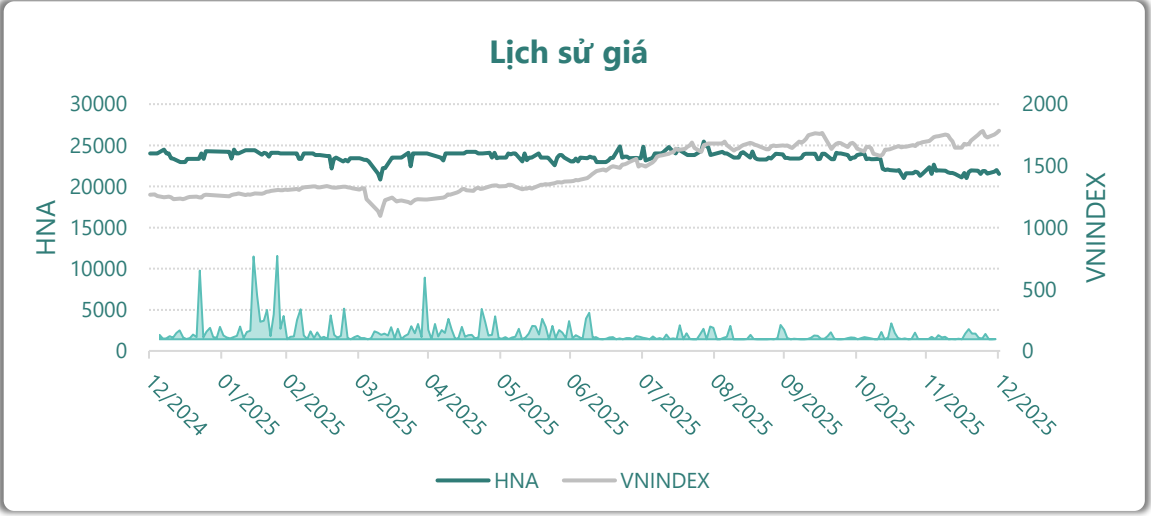
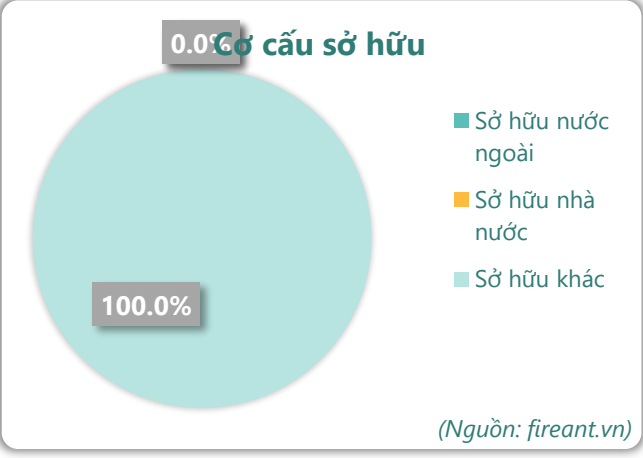
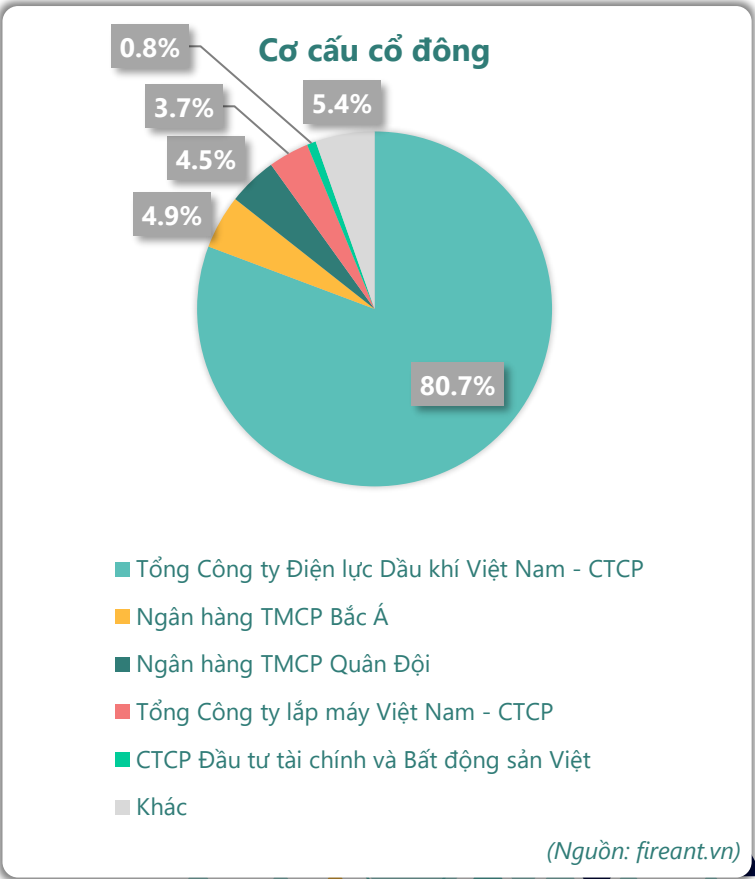
ROE 2025
14.2%
YoY: +/-▲5.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,832 - 25,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,057
Số lượng CPLH (CP)	235,232,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,110
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.12
EPS	2,023
P/E	10.6

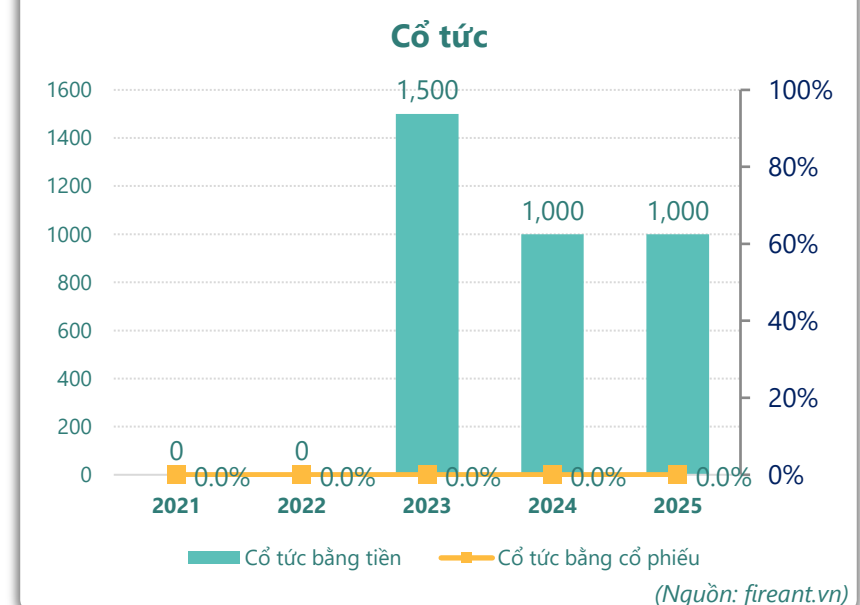
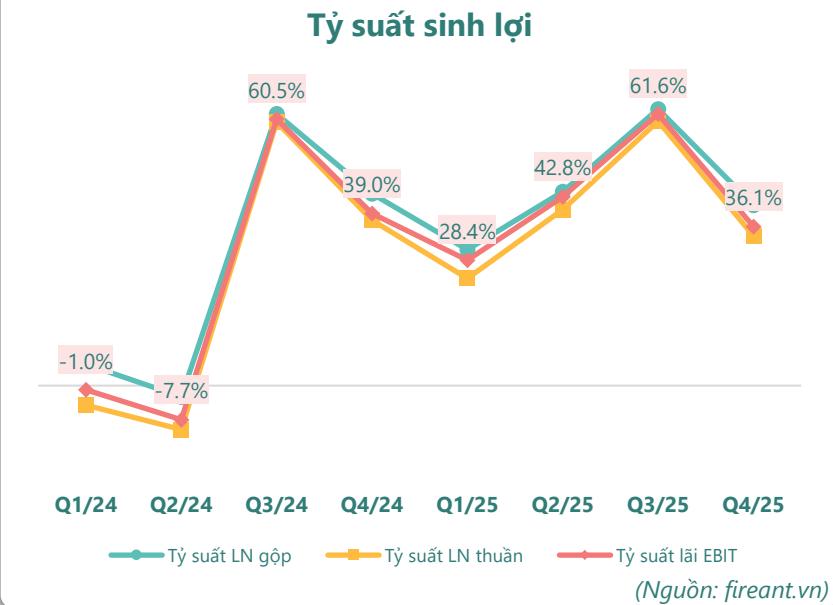
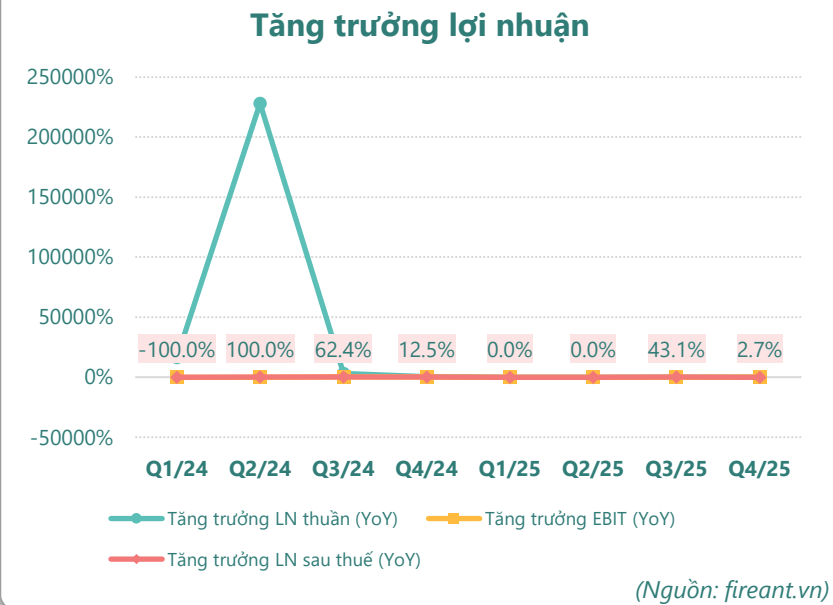
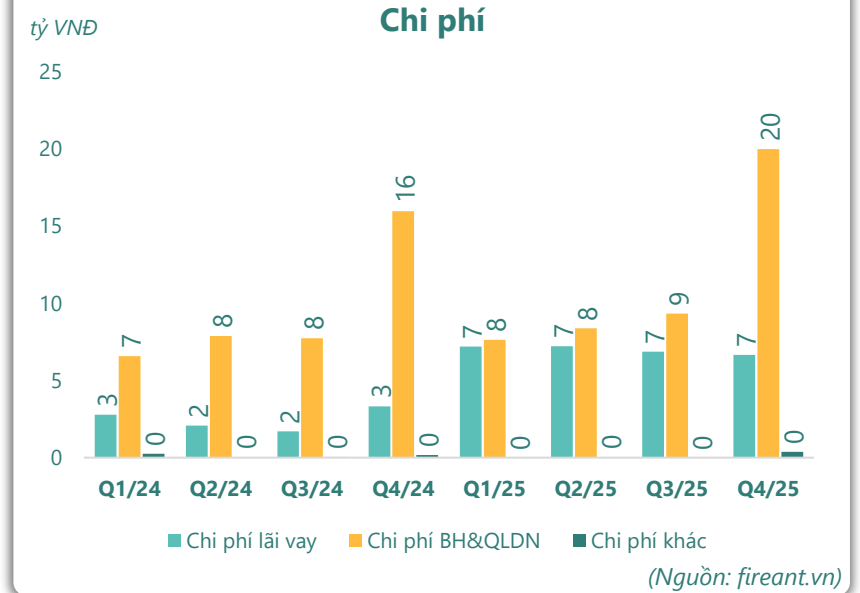
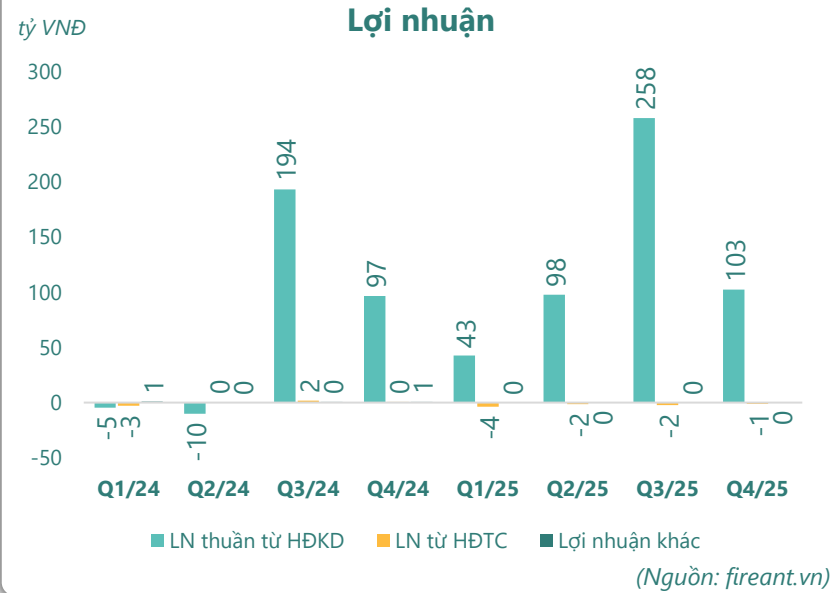
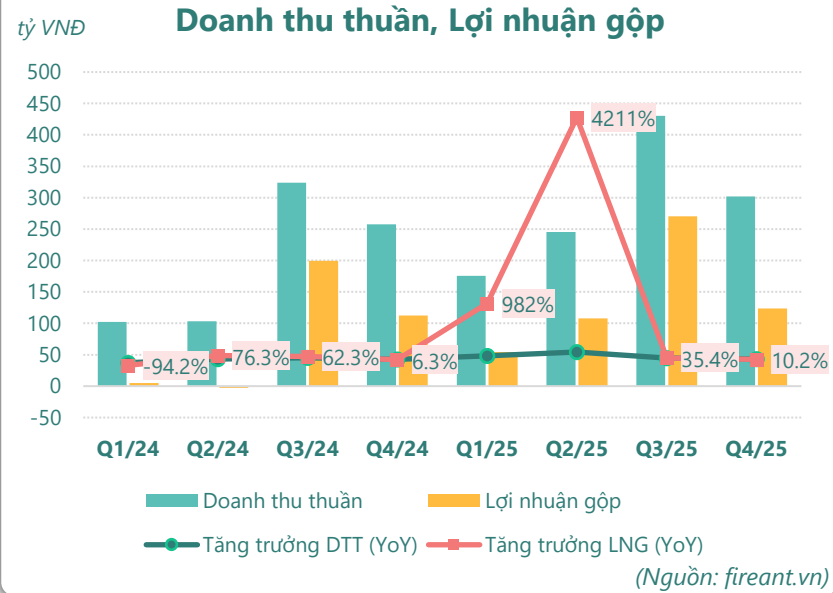
DT thuần 2025
1,154
tỷ VNĐ
YoY: ▲365 46.2%

LN thuần 2025
502
tỷ VNĐ
YoY: ▲218 76.6%

LN sau thuế 2025
476
tỷ VNĐ
YoY: ▲206 76.4%



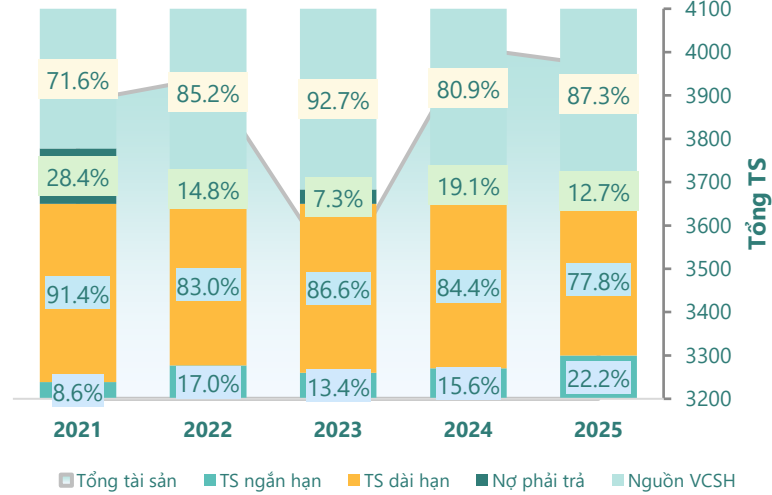
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

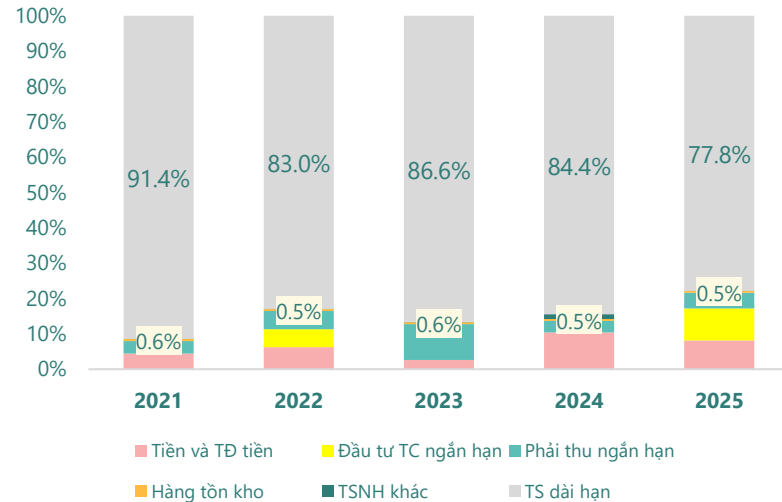
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

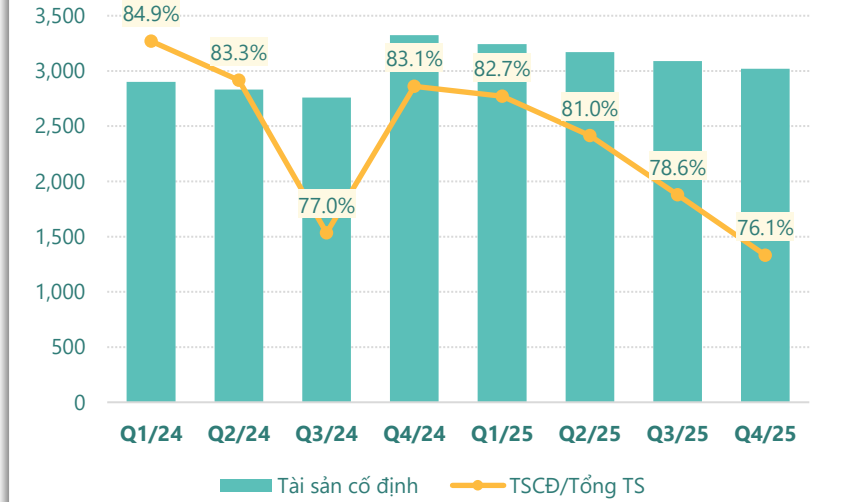
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

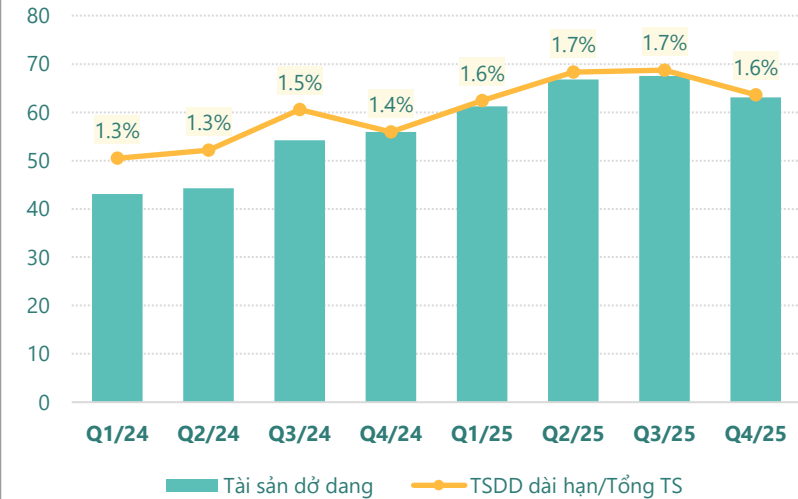
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

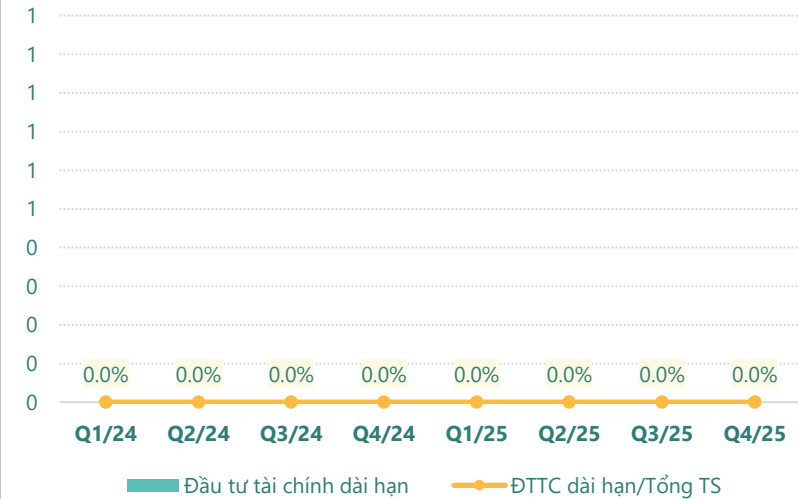
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

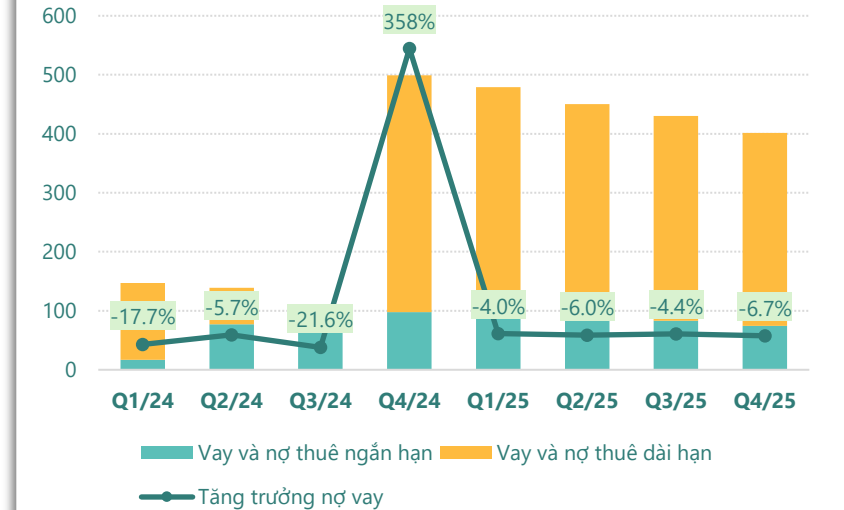
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

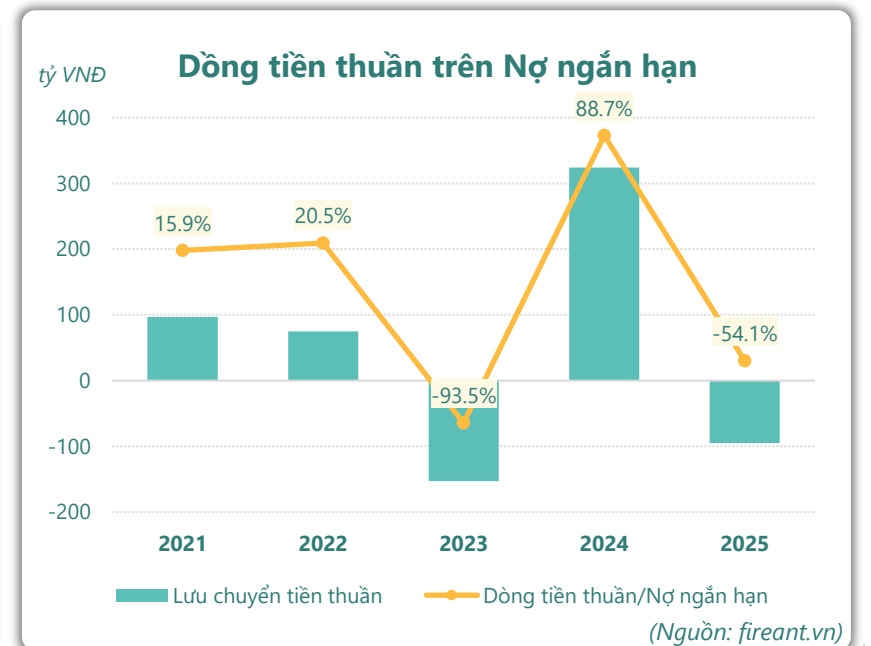
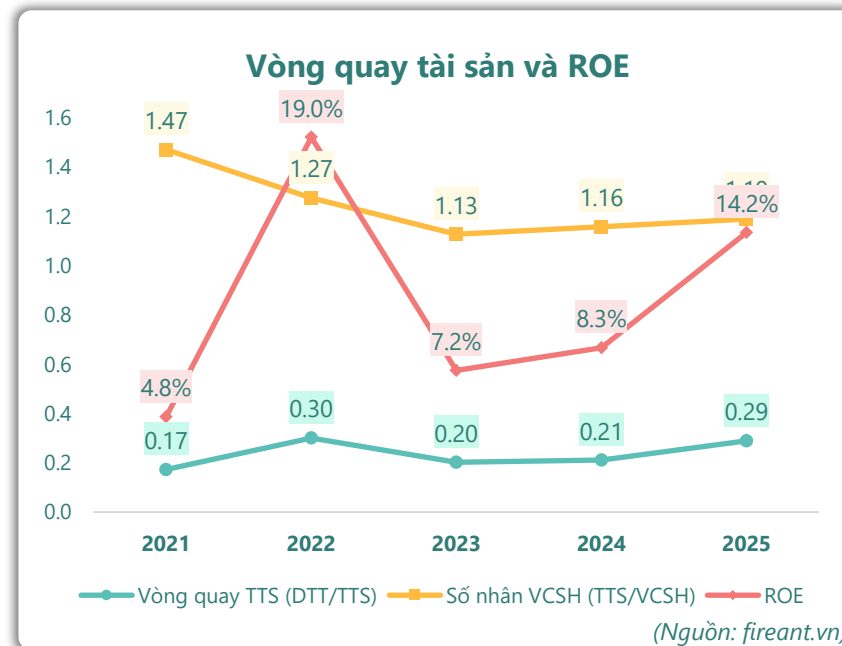
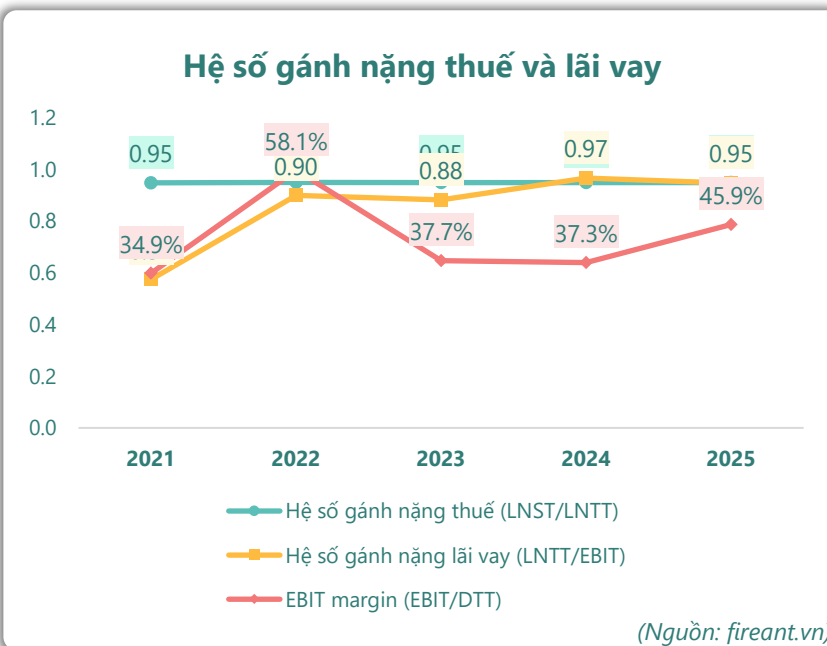
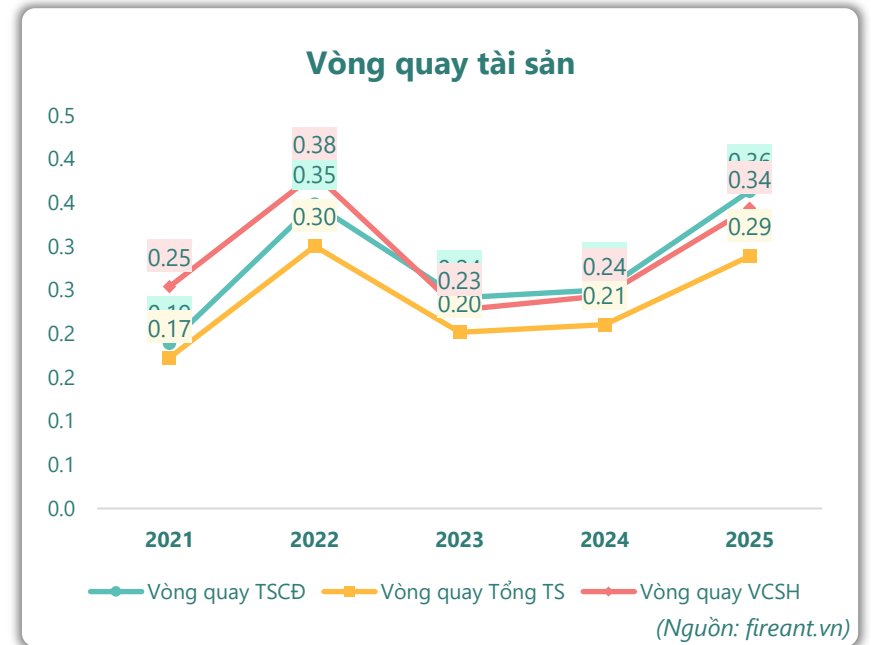
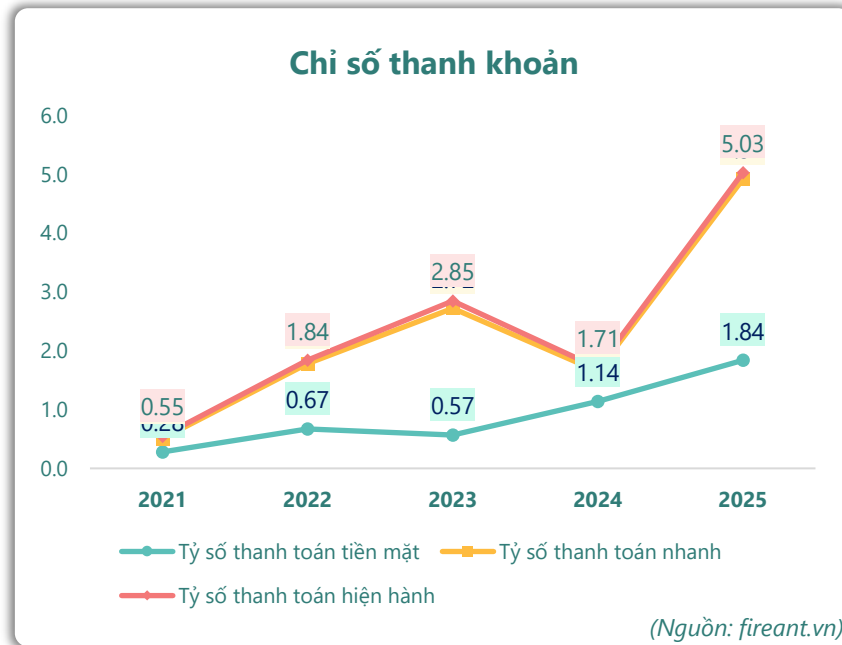
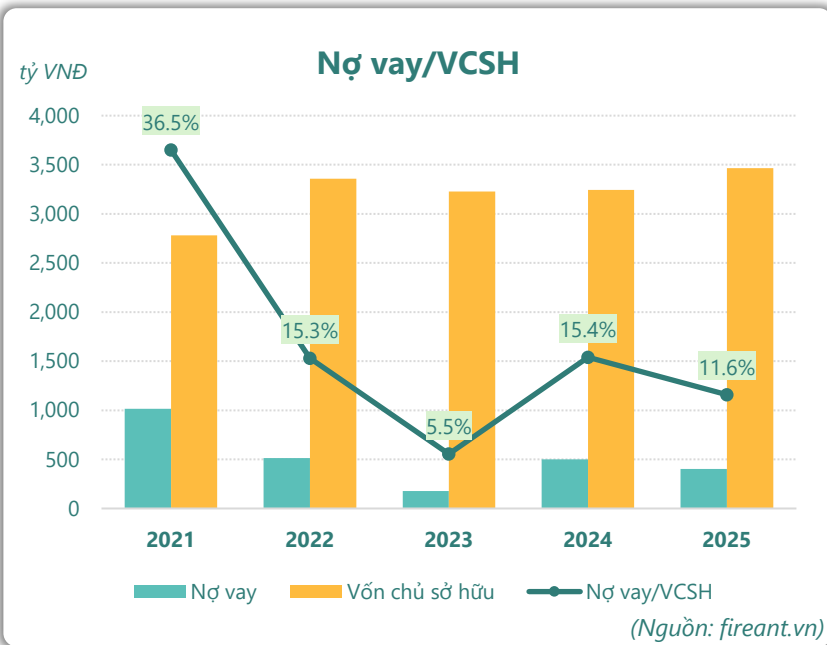
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	302	258	17.1%	1,154	789	46.2%
Giá vốn hàng bán	178	146	22.2%	598	467	28.1%
Lợi nhuận gộp	124	112	10.4%	556	322	72.4%
Doanh thu HĐTC	5.56	3.80	46.3%	19.1	11.1	71.1%
Chi phí TC	6.69	3.31	102%	28.0	11.6	142%
Chi phí lãi vay	6.67	3.33	100%	28.0	9.89	183%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	20.0	16.0	25.0%	45.3	38.0	19.3%
LN thuần từ HĐKD	103	96.7	6.1%	502	284	76.6%
Lợi nhuận khác	-0.24	0.56	-144%	-0.26	0.46	-157%
LN trước thuế	102	97.3	5.2%	501	284	76.3%
Lợi nhuận sau thuế	97.0	92.1	5.3%	476	270	76.4%
LNST của CĐ cty mẹ	97.0	92.1	5.3%	476	270	76.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	79.0	300	35.8	121	210	401
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.71	-382	-256	-25.4	38.2	-287
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.0	157	-20.1	-29.0	-254	-29.6
Tiền đầu kỳ	302	342	417	176	243	238
Lưu chuyển tiền thuần	39.3	75.2	-240	66.9	-5.02	83.8
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.06	0.08	0.06	-0.02	0.00	-0.05
Tiền cuối kỳ	342	417	176	243	238	322

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,970	4,010	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	881	624	41.2%
Tiền và tương đương tiền	322	417	-22.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	360	0	
Phải thu ngắn hạn	178	132	34.7%
Hàng tồn kho	19.4	20.9	-7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.21	54.4	-95.9%
Tài sản dài hạn	3,088	3,386	-8.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3,020	3,325	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	63.1	56.6	11.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.77	4.70	1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	503	767	-34.5%
Nợ ngắn hạn	175	365	-52.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.3	97.9	-24.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.0	198	-91.4%
Nợ dài hạn	327	402	-18.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	327	401	-18.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,467	3,243	6.9%
Vốn chủ sở hữu	3,467	3,243	6.9%
Vốn điều lệ	2,352	2,352	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

